



Original Article

# Reality of Creative Education and Problems with Education Management in Vietnam: A Case Study of Some Northern Provinces

Do Thi Thu Hang\*, Trinh Van Minh

*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 25 September 2019

Revised 22 October 2019; Accepted 28 October 2019

**Abstract:** Creative education, the activity that helps learners nurture creative spirit, ideas and capacity, is the "main way" to form creative people and thereby promotes the development of society, making it a creative one. The search for creative education in Vietnam is an issue that needs to be studied and evaluated in order to make recommendations on educational management in high schools. This article focuses on creative education and management issues in schools; analyzes and assesses the current status of creative education in Vietnam high schools in Hanoi, Nam Dinh and Quang Ninh through a survey for 190 teachers and 220 students from three high schools about factors that form creative education, the level of expression and relationship between the components of creative education as well as factors that impede creative education development in high schools; thereby making recommendations on educational management in Vietnam today.

**Keywords:** Creative education, creative schools, creative teachers, creative leaders, education management.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [dohangdhqg@vnu.edu.vn](mailto:dohangdhqg@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4307>



# Thực trạng giáo dục sáng tạo và những vấn đề đặt ra trong quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam - Nghiên cứu trường hợp một số tỉnh khu vực miền bắc

Đỗ Thị Thu Hằng\*, Trịnh Văn Minh

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 25 tháng 9 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 22 tháng 10 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 10 năm 2019

**Tóm tắt:** Trước yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, con người ngày càng phải đổi mới và sáng tạo, bởi sáng tạo là khởi nguồn, là cốt lõi của tiến bộ xã hội, là động lực không có giới hạn cho sự phát triển thịnh vượng của mỗi quốc gia. Và giáo dục sáng tạo là hoạt động giúp người học nuôi dưỡng tinh thần, ý tưởng và năng lực sáng tạo, là “con đường chính” tạo ra con người sáng tạo và nhờ đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đưa xã hội trở thành xã hội sáng tạo. Việc tìm tòi để phát triển giáo dục sáng tạo ở Việt Nam là vấn đề cần được nghiên cứu đánh giá để từ đó có những khuyến nghị trong quản lý giáo dục trong trường phổ thông. Bài viết tìm hiểu về giáo dục sáng tạo phân tích, thực trạng giáo dục sáng tạo ở trường phổ thông trên địa bàn ba tỉnh: Hà Nội, Nam Định và Quảng Ninh. Thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 190 giáo viên và cán bộ quản lý (CBQL) và 220 đối với học sinh của ba bậc học phổ thông về yếu tố nhận thức về giáo dục sáng tạo, mức độ sáng tạo của học sinh, những yếu tố tạo nên nền giáo dục sáng tạo, cũng như mức độ biểu hiện và mối liên hệ giữa các thành tố của giáo dục sáng tạo, những yếu tố cản trở phát triển giáo dục sáng tạo ở các trường phổ thông. Qua đó đề xuất những khuyến nghị trong quản lý giáo dục phù hợp với xu thế phát triển giáo dục sáng tạo hiện nay.

**Từ khóa:** Giáo dục sáng tạo, Nhà trường sáng tạo, Giáo viên sáng tạo, Người lãnh đạo sáng tạo, Quản lý giáo dục.

## 1. Mở đầu

### 1.1. Đặt vấn đề nghiên cứu

Xã hội, kinh tế toàn cầu hiện đang phải đối diện với nhiều thách thức chưa từng có. Để vượt qua được những thách thức đó cần phải

tìm ra được những giải pháp có tính đổi mới. Đào tạo những con người có tư duy sáng tạo và có ứng xử sáng tạo, những công dân đồng thời là những tác nhân kinh tế của thế kỉ 21 không chỉ là cần thiết của giáo dục mà là một điều sống còn của nền kinh tế và của cả xã hội trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Nói cách khác một nền kinh tế phát triển chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở một nền giáo dục sáng tạo. Mối tương quan, tương tác giữa hai lĩnh vực trọng tâm này ngày càng hiện hữu.

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [dohangdhqg@vnu.edu.vn](mailto:dohangdhqg@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4307>

Đào tạo một thế hệ mới sáng tạo hơn sẽ cho phép phát triển những năng lực làm việc hợp tác, cởi mở và tin tưởng lẫn nhau, là những năng lực cần thiết để thể hiện được tiềm năng cá nhân và tập thể. Do vậy, bên cạnh dạy học kiến thức, trước hết định hướng của nhà trường phải là giáo dục, làm cho mỗi con người có được những phẩm chất, năng lực để tìm được chỗ đứng của mình trong xã hội thay đổi nhanh chóng như hiện nay.

Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ toàn cầu (World Intellectual Property Organization - WIPO thuộc Liên hiệp quốc) năm 2012 đã công bố chỉ số đổi mới và sáng tạo quốc gia, Việt Nam xếp thứ 76/141 nước, đứng thứ 5 trong khu vực sau Singapore, Malaysia, Brunei Darussalam, Thailand. Các năm trước đó, thứ hạng của Việt Nam như sau: Năm 2008 xếp thứ 65/153 nước, năm 2009: 64/130 nước, năm 2010: 71/132 nước, năm 2011: 51/125 nước [dẫn theo 1]. Điều này cho thấy, mức độ sáng tạo của Việt Nam ở dưới mức trung bình.

Vậy để tăng chỉ số sáng tạo của người cá nhân mỗi con người, nền kinh tế cũng như xã hội, nhiều học giả trong và ngoài nước đã khẳng định, con đường cốt yếu giúp hình thành năng lực sáng tạo là giáo dục sáng tạo và quản lý sáng tạo. Trên thế giới vấn đề giáo dục sáng tạo được nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn giáo dục khá sớm, và ở Việt Nam, trong những năm gần đây, vấn đề này đang được quan tâm cả về phương diện lý luận và thực tiễn; chương trình giáo dục phổ thông mới cũng đã được thiết kế trên tinh thần khai thác tối đa tiềm năng của học sinh thông qua những năng lực cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai của con người Việt Nam. Tuy nhiên sự thay đổi định hướng từ giáo dục tri thức sang giáo dục năng lực sáng tạo không phải là vấn đề đơn giản, mà phải được xem xét trong tổng thể của hệ thống. Thực tế cần suy nghĩ rộng hơn và xem xét ý nghĩa thực sự của các khái niệm về sáng tạo và giáo dục sáng tạo trong mối quan hệ của tất cả các tác nhân của hệ thống giáo dục, từ định hướng, chương trình, nội dung giáo dục

đến phương pháp giáo dục và đánh giá, các hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh, vấn đề môi trường sáng tạo và đặc biệt là năng lực quản lý giáo dục sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

Xuất phát từ những phân tích ở trên và dựa vào những hiểu biết của mình qua những lần tiếp xúc, làm việc với giáo viên, học sinh và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, chúng tôi thấy cần thiết phải tiến hành một nghiên cứu trong đó tập trung khảo sát một số đối tượng tại một số địa bàn có hệ thống giáo dục khá tương đồng về mặt chất lượng. Vấn đề nghiên cứu đặt ra là nhận thức và hành động hay hoạt động thực tiễn cụ thể của các đối tượng về giáo dục sáng tạo và quản lý giáo dục sáng tạo hiện nay như thế nào? Có đúng với những gì mong đợi hay không đối với một nền giáo dục sáng tạo?

### 1.2. Mục đích và nội dung nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu là tìm hiểu nhận thức của các đối tượng được lựa chọn (học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục) về giáo dục sáng tạo, những hoạt động sự phạm trong thực tiễn gắn liền với giáo dục sáng tạo và những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý nhằm tạo động lực, điều kiện phát triển định hướng này trong nhà trường.

Nội dung nghiên cứu bao gồm nghiên cứu lý luận liên quan đến giáo dục sáng tạo, những hoạt động giáo dục sáng tạo và những biểu hiện quản lý giáo dục sáng tạo trong bối cảnh Việt Nam thông qua nghiên cứu trường hợp 03 tỉnh được chọn làm mẫu nghiên cứu.

### 1.3. Phương pháp nghiên cứu

#### *Tổ chức nghiên cứu thực trạng*

Với các nhà giáo dục và quản lý giáo dục, việc nắm bắt được những vấn đề xung quanh “sáng tạo” và “giáo dục sáng tạo” được diễn ra trong thực tế như thế nào là một việc làm hết sức cần thiết, bởi chỉ trên cơ sở đó mới đưa ra được những đề xuất mang tính thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của hệ thống cũng như các nhà trường. Nhóm tác giả đề tài đã thực hiện điều

tra khảo sát trên diện rộng, đối với những tác nhân là chủ thể của sáng tạo trong giáo dục.

*Mục đích, nội dung, hình thức nghiên cứu*

- Mục đích: Tìm hiểu và đánh giá thực trạng giáo dục sáng tạo tại các trường phổ thông Việt Nam

- Nội dung nghiên cứu: (1) Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về sáng tạo và giáo dục sáng tạo trong trường phổ thông Việt Nam; (2) Thực trạng nhận diện những biểu hiện của học tập sáng tạo của học sinh; (3) Thực trạng về mức độ giáo dục sáng tạo thể hiện qua các thành tố của quá trình dạy học; (4) Thực trạng về mức độ quan trọng của quản lý giáo dục trong phát triển giáo dục sáng tạo.

- Hình thức: phát phiếu điều tra tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại các tỉnh Quảng Ninh, Nam Định và Hà Nội.

*Mẫu khảo sát*

- Đặc điểm đối tượng khảo sát

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành điều tra trên hai nhóm đối tượng: (1) Học sinh và (2) Giáo viên và cán bộ quản lý trong nhà trường. Nhóm học sinh bao gồm 220 đối tượng, trong đó bậc trung học phổ thông chiếm 90.5%, trung học cơ sở chiếm 9.0% và tiểu học chiếm 0.5%. Về nơi học tập và sinh sống: có 66.7% học sinh ở nông thôn và 33.3% ở thành thị, số học sinh nam chiếm 30.2% và học sinh nữ chiếm 69.8% tổng số khách thể. Nhóm giáo viên và cán bộ quản lý bao gồm 190 khách thể. Trong đó: 92.4% tổng số khách thể là giáo viên và 7.6% là cán bộ quản lý. Số giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại trường trung học phổ thông chiếm 64.1%, trung học cơ sở chiếm 11.0% và Tiểu học chiếm 24.9%.

Thông tin cụ thể được thể hiện trong bảng dưới đây:

Trong nghiên cứu này, mẫu khảo sát được chọn theo phương thức “mẫu thuận tiện”, phi ngẫu nhiên.

Bảng 1. Số lượng và phân bố đối tượng khảo sát

	Đơn vị	GV và CBQL	Học sinh
Hà Nội	Tiểu học Dịch Vọng B	30	
	THCS Tân Đà	20	20
	THPT Hữu Nghị 80	50	30
Quảng Ninh	THPT Hòn Gai	20	20
	THPT Hoàng Hoa Thám	20	30
	THPT Mây Dương	30	30
	Tiểu học Vĩnh Khê	20	
Nam Định	THPT Phan Văn Nghị		80
<b>Tổng</b>	<b>8</b>	<b>190</b>	<b>220</b>

Bảng 2. Thông tin đối tượng khảo sát

	Đặc điểm	Phần trăm (%)
Học sinh	Bậc học	Tiểu học 0.5%
		THCS 9.0%
		THPT 90.5%
	Giới tính	Nam 30.2%
		Nữ 69.8%
	Nơi học tập và sinh sống	Nông thôn 66.7%
	Thành phố 33.3%	
Giáo viên và CBQL	Nơi công tác	Tiểu học 24.9%
		THCS 11.0%
		THPT 64.1%
	Vai trò trong nhà trường	Giáo viên 92.4%
		Cán bộ quản lý 7.6%
	Giới tính	Nam 19.7%
	Nữ 80.3%	
Vùng công tác		Nông thôn 62.8%
		Thành phố 37.2%

## 2. Một số vấn đề lý luận

### 2.1. Giáo dục sáng tạo

Mc.Cormack, A. J. (2010) chỉ ra rằng giáo dục là con đường tốt nhất để nuôi dưỡng nhân tài có sức sáng tạo phong phú cho một xã hội

thịnh vượng và phát triển. Vì vậy trong giáo dục cần phát huy trí tưởng tượng của người học, vì đó là yếu tố then chốt để người học tạo ra những sản phẩm từ trí tưởng tượng của mình, đồng thời đó cũng chính là cơ hội cho người học khám phá và kích thích niềm đam mê học tập, thúc đẩy họ đi tìm những giải pháp tốt nhất cho vấn đề cần tìm hiểu và giải quyết [2]. Vậy làm thế nào để kích thích trí tưởng tượng cho người học, theo Chen (2000), Zeng (2009) thì quan sát sẽ giúp chúng ta suy luận ra những ý tưởng mới trên cơ sở nền tảng những gì đã học được [3].

Theo các nhà nghiên cứu 王海, (2015); 张建新、赵继承 (2009), giáo dục sáng tạo là việc thực hiện giáo dục dựa trên cơ sở thỏa mãn nhu cầu khám phá của người học. Điều này cho thấy sáng tạo chính là mục đích của giáo dục, và giáo dục chính là phương tiện, nội dung của sáng tạo. Để thực hiện mục đích sáng tạo, quan niệm trong giáo dục cần phải coi sáng tạo của người học là vấn đề trung tâm. Do sáng tạo vừa là quá trình vừa là kết quả, vì vậy tùy theo diễn tiến của quá trình sáng tạo, hoạt động giáo dục cần được thực hiện tương ứng, phù hợp, để từ đó đạt được kết quả và đó chính là giáo dục sáng tạo. Điều này cho thấy, mục đích của toàn bộ quá trình hay kết quả các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng tố chất sáng tạo, nâng cao năng lực sáng tạo cho người học trong nhà trường đều có thể coi đó là giáo dục sáng tạo [4, 5].

Các nhà khoa học cũng đã nhận định rằng tính sáng tạo không phải nét đặc trưng của thiên tài, không chỉ tồn tại ở tầng lớp tinh hoa, không chỉ được thể hiện trong lĩnh vực nghệ thuật, mà được hiểu một cách rộng hơn là khả năng đặt ra được những câu hỏi mới, đề xướng được những giải pháp mới, những cách nhìn nhận mới về một vấn đề trong cuộc sống. Vì vậy giáo dục sáng tạo là cách thức giáo dục cho tất cả học sinh ở tất cả mọi cấp học. Bởi vì như Ken Robinson (2013), chuyên gia về sáng tạo và cách tân trong giáo dục đã chứng minh vị trí quan trọng của tính sáng tạo trong giáo dục và chỉ ra tại sao nhà trường cần phải giúp mỗi con người tìm ra được “yếu tố” đó của mình. Tính sáng tạo có khả năng kết nối những gì không

hiện hữu trong tri thức hàng ngày cho phép tư duy chúng ta vượt ra ngoài những sơ đồ truyền thống. Trái ngược với quan niệm sai lầm cho rằng sáng tạo gây ra sự lộn xộn, đây là một qui trình tư duy nghiêm ngặt, chặt chẽ bởi lẽ sau khi khám phá những hướng mới, chúng ta phải lựa chọn con đường khả dĩ nhất (đó là loại tư duy hội tụ) và khai thác đào sâu con đường đã chọn [6]. Thông qua các hoạt động cộng tác và có phương pháp, tư duy sáng tạo dựa trên trí thông minh tập thể; tư duy này khuyến khích sự tin tưởng và lắng nghe, sự phát triển khả năng phê phán; trong đó sai lầm sẽ được chấp nhận như yếu tố tạo thuận lợi cho khả năng chịu rủi ro và sự tin tưởng.

Giáo dục sáng tạo trong thực tế, cũng có rất nhiều ý tưởng của những giáo viên tiên phong, và ngay cả khi thuật ngữ “sáng tạo” không phải lúc nào cũng hiện hữu, trong chương trình khối kiến thức và kỹ năng cơ bản bao luôn đặt ra yêu cầu phát triển khả năng “độc lập và đề xuất ý tưởng” của người học nhằm phát triển “tinh tò mò và sáng tạo” của học sinh.

Trên thới giới, các mô hình giáo dục hướng tới giáo dục tính sáng tạo cho HS như các mô hình giáo dục như: nhà trường Freinet, nhà trường Montessori thu hút được một thế hệ trẻ mới vào học, nhiều dự án dạy học như “bàn tay nặn bột” (la main à la pâte), lập nghiệp để học tập, ... (ở Pháp), các chương trình mang tên Reggio Emilia (Ý), Escuela Nueva (ở Cô-lôm-bi), design for change (thiết kế để thay đổi ở Ấn độ) và nhiều ý tưởng khác của giáo viên được ra đời theo xu hướng phát triển sáng tạo người học và được phổ biến rộng rãi. Một số mô hình hay dự án giáo dục kể trên cũng đã và đang được áp dụng ở Việt Nam [6].

Để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục sáng tạo cần thực hiện theo hướng:

*Thứ nhất:* dạy học liên môn vào chương trình giáo dục bằng cách đưa vào các hoạt động dạy học huy động những kiến thức đa dạng. Điều này cũng có nghĩa là những người phát triển, xây dựng chương trình giáo dục phải biết vượt ra ngoài khuôn khổ của một hệ thống giáo dục đặt nặng sự cạnh tranh, chạy đua và sự lĩnh hội kiến thức đơn môn. Phát triển tính sáng tạo, đó là học cách khám phá, tìm hiểu, học cách đặt

các giả thiết cho mọi vấn đề; để làm được điều đó cần đưa học sinh vào các dự án, vào trong những cuộc thử nghiệm, cọ xát với những vấn đề thực tiễn mang lại lợi ích và động cơ cho họ, và từ đó khám phá, tìm kiếm những giải pháp đổi mới.

*Thứ hai:* dạy học thông qua thực hiện các vấn đề thực tiễn: người học học cách tập trung mọi hoạt động vào một quá trình chặt chẽ và có yêu cầu cao, qua đó người học học tập thông qua thực hành thực tiễn, biết chấp nhận mọi sai sót có thể xảy ra để tiến bộ. Thông qua các hoạt động học này, người học sẽ thấy được ý nghĩa của mọi cố gắng và kiên nhẫn của mình; họ có thể học hỏi được những phương pháp và kỹ năng mà họ cần phải áp dụng trong những lĩnh vực khác của cuộc sống. Như vậy có thể khẳng định phát triển được những năng lực xuyên suốt và tính đa năng của người học, điều đó có nghĩa là mở ra cho học một con đường và tăng cường khả năng làm việc hành nghề cho họ.

*Thứ ba:* dạy học thông qua các hoạt động khám phá và so sánh: cách dạy học này giúp HS phát triển tư duy phê phán và thực hành sự thông minh tập thể, người học sẽ học cách tin tưởng, học cách xây dựng hiểu biết của mình trên cơ sở ý tưởng của những người khác. Công nghệ mới và những công cụ liên kết hợp tác qua mạng (wiki, diễn đàn trao đổi, nguồn thông tin chia sẻ...) cho phép chúng ta chia sẻ hợp tác và tạo ra những tương tác sáng tạo mà không chỉ dừng lại ở những mối quan hệ xã hội thuần túy trên các diễn đàn, mạng lưới.

*Thứ tư:* Công nghệ cần được coi là một thành tố của quá trình dạy học: trong giai đoạn hiện nay, công nghệ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình dạy học, là yếu tố thúc đẩy tính sáng tạo không ngừng của người học, hỗ trợ đắc lực cho giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy học sáng tạo. Mặt khác, công nghệ trong đó có kỹ thuật số giúp hoạt động học tập và tìm kiếm thông tin, kiến thức trở nên dễ dàng, quá trình giáo dục có những thay đổi mạnh mẽ khác nhiều trước đây. Để tìm ra những giải pháp sáng tạo cho những vấn đề đặt ra, ghi nhớ các sự kiện không đủ, mà cần phải biết học, biết phân tích và chọn lọc thông tin. Do vậy có thể

nói, kỹ thuật số không chỉ là một công cụ phục vụ cho giáo dục, cần phải phát triển công nghệ và các phương pháp giáo dục mà không chỉ thích ứng công nghệ cao được phát triển cho các mục đích khác vào giáo dục. Sự chia sẻ tri thức và học tập cộng tác cũng đồng nghĩa với việc cánh cửa nhà trường mở ra với những chân trời nền văn hóa khác, thông qua việc trao đổi với các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường về những chủ đề cụ thể. Đó có thể cơ hội để họ cộng tác tìm ra những giải pháp sáng tạo.

## 2.2. Quản lý giáo dục trước yêu cầu của giáo dục sáng tạo

Trước những thay đổi của bối cảnh và nhu cầu thay đổi của giáo dục, quản lý giáo dục đòi hỏi phải có những thay đổi phù hợp, tạo “cú hích” giúp nền giáo dục thay đổi hiệu quả. Để các yếu tố quản lý giáo dục trở thành động lực thúc đẩy giáo dục ngày càng sáng tạo, các chính sách giáo dục nói chung, cách thức quản lý giáo dục nói chung cần hướng tới:

### a) Xây dựng nhà trường sáng tạo

Nhà trường phải là nơi tạo điều kiện để phát triển tiềm năng sáng tạo của học sinh để đào tạo ra những công dân dân thân, có niềm tin vào khả năng sáng tạo của mình, và coi sự phát triển đương thời như những thách thức cần được vượt qua.

Trường học là một tổ chức, vì thế trường học sáng tạo mang các đặc trưng của một tổ chức sáng tạo. Theo các tác giả Trần Thị Bích Liễu, 2013 [7], muốn nhà trường trở thành nhà trường sáng tạo, trong quản lý cần xây dựng được:

(1) Viễn cảnh và chiến lược phát triển trường học sáng tạo

(2) Xây dựng cơ chế trong mọi hoạt động dạy học, giáo dục để học sinh có năng lực sáng tạo

(3) Phát triển đội ngũ giáo viên có năng lực sáng tạo

(4) Xây dựng môi trường văn hóa luôn hỗ trợ phát triển các năng lực sáng tạo

Ngoài ra để nhà trường sáng tạo, thì người quản lý cần đưa nhà trường thực hiện các hoạt động theo những quan điểm sau:

- Học tập và giáo dục vượt ra ngoài khuôn khổ môn học

- Sáng tạo tồn tại ở tất cả mọi cá nhân, không phải là yếu tố “thiên tài” bẩm sinh

- Sáng tạo là một cách sống hơn là một khả năng trí tuệ

Như vậy có thể thấy để hình thành và phát huy được giáo dục phải là sáng tạo, thì nhà trường cần đào tạo ra những con người sáng tạo cả về tư duy lẫn thái độ.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên sáng tạo

Đội ngũ giáo viên đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng giáo dục của nhà trường và sự phát triển các phẩm chất, năng lực của học sinh.

Có sự khác biệt giữa một giáo viên sáng tạo và một giáo viên tốt: người giáo viên tốt thấy được tầm quan trọng của việc phát triển học sinh tài năng và sáng tạo. Người giáo viên sáng tạo không chỉ thấy mà còn tìm cách phát triển sự sáng tạo của học sinh và của bản thân. Không có giáo viên sáng tạo, tài năng của học sinh sẽ bị thui chột hoặc phát triển một cách hạn chế.

Đỗ Thị Thu Hằng (2017), Zhuang (2004), tóm tắt 5 đặc trưng chính của một giáo viên sáng tạo như sau [9, 10]:

(1) Giáo viên sáng tạo là những người nhận thức và đánh giá được các năng lực sáng tạo trong bản thân họ và tìm cách để phát triển sự sáng tạo của lớp trẻ. Họ tìm hiểu các đặc điểm sáng tạo của học sinh, phát hiện các học sinh có năng lực sáng tạo và phát triển sự sáng tạo của các em. Họ khuyến khích học sinh tin tưởng vào năng lực của mình và tạo điều kiện để các em phát triển năng lực.

(2) Giáo viên sáng tạo có các năng lực sáng tạo, làm chủ các phương pháp sáng tạo và có sự chia sẻ, tìm hiểu kiến thức mới. Người giáo viên sáng tạo làm cho giờ học thú vị và có hiệu quả hơn. Họ sử dụng các cách dạy học giàu tưởng tượng và độc đáo, sử dụng hiệu quả các câu hỏi, các phương pháp dạy học giải quyết vấn đề và các phương pháp dạy học khác.

(3) Giáo viên sáng tạo có năng lực phát triển sự tò mò của học sinh, có sự độc đáo trong phương pháp giảng dạy và kết nối tài tình lý thuyết với thực tế trong quá trình dạy học. Họ

hiểu các đam mê của học sinh và kết nối các học sinh với nhau để các em làm việc hợp tác và cùng nhau sáng tạo. Học sinh là trung tâm của quá trình dạy học.

(4) Giáo viên sáng tạo có sự tự chủ đối với việc phát triển chuyên môn, thể hiện sự tích cực trong việc tham gia vào các hoạt động sáng tạo và phát triển sáng tạo cho học sinh. Họ tò mò và ham học hỏi những kiến thức và kỹ năng mới. Họ phát triển sự tự chủ của học sinh và tôn trọng sự tự do trong tư duy của các em.

(5) Giáo viên sáng tạo đánh giá cao sự sáng tạo của học sinh, của bản thân và đồng nghiệp. Họ chú ý vào những ý tưởng mới, độc đáo của học sinh và đồng nghiệp; họ sẵn sàng mạo hiểm để thí nghiệm một hình thức dạy học mới và không sợ thất bại.

Nghiên cứu của Teresa Cremin (theo Trần Thị Bích Liễu, 2014) và 王海, (2015), Zhuang (2004) chỉ ra rằng, giáo viên sáng tạo gồm có 6 đặc trưng [4, 8, 10]:

- Nhận thức được và đánh giá được năng lực sáng tạo của bản thân, biết cách tìm hiểu đặc điểm sáng tạo và phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh;

- Có năng lực sáng tạo, phương pháp dạy học độc đáo, kích thích được trí tưởng tượng của học sinh và chia sẻ, tìm hiểu kiến thức mới.

- Có năng lực phát triển sự tò mò của học sinh, kết nối hài hòa giữa lý thuyết và thực tế trong quá trình dạy học;

- Là người có năng lực tích hợp trong giáo dục học sinh.

- Là người có năng lực nghiên cứu và năng lực tự học.

- Là người thích ứng tốt với sự thay đổi, biết hợp tác, độc lập, tự chủ, độc đáo, biết cách phát triển sự sáng tạo của học sinh và của bản thân.

c) Rèn luyện tố chất của người lãnh đạo sáng tạo

Để có thể quản lý giáo dục sáng tạo, người cán bộ quản lý cần rèn luyện các tố chất để trở thành người lãnh đạo sáng tạo. Cụ thể [9]:

- Có năng lực tò mò, khám phá, tưởng tượng, tư duy sáng tạo, có ý tưởng độc đáo và tư duy khác thường (Loại tư duy cho phép một

người nhìn nhận sự vật, hiện tượng từ các góc độ khác nhau và đưa ra những cách nhìn nhận khác nhau về nó).

- Có kĩ năng dẫn dắt sự sáng tạo: họ gợi ý cho nhân viên khám phá, đặt câu hỏi, sử dụng tương tượng để tạo các ý tưởng, tổ chức thảo luận, ra quyết định, chọn ý tưởng sáng tạo và hiện thực hóa nó.

- Cởi mở với các ý tưởng mới, đánh giá chúng trước khi thực hiện.

- Đánh giá cao giá trị của sự sáng tạo, sự cống hiến của từng cá nhân.

- Dự báo và thu thập thông tin phản hồi cho quá trình sáng tạo.

- Có viễn cảnh sáng tạo, biết cách tuyên truyền, làm cho người khác nhìn thấy viễn cảnh để họ cùng thực hiện và có chiến lược lâu dài để thực hiện nó.

- Tạo môi trường sáng tạo cho nhân viên, tạo các cơ hội để họ sáng tạo và sử dụng sức mạnh của từng cá nhân, khen ngợi, khuyến khích sự sáng tạo của mỗi người.

- Hiểu và tin tưởng năng lực của đội ngũ nhân viên, phân quyền, tạo sự tự do để họ sáng tạo.

- Linh hoạt, có khả năng thích ứng tốt.

- Mạo hiểm.

### 3. Nghiên cứu ở Hà Nội, Nam Định và Quảng Ninh

#### 3.1. Nhận thức về giáo dục sáng tạo trong trường phổ thông

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, nội dung “Giáo dục sáng tạo là giáo dục phát triển năng lực sáng tạo cho người học: Là hoạt động có mục đích, có kế hoạch, là tương tác của người dạy và người học, phát triển ở người học năng lực sáng tạo bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ” là cách hiểu được cả hai nhóm học sinh ( $M=3.44$ ,  $SD=0.84$ ) và giáo viên và cán bộ quản lý ( $M=3.55$ ,  $SD=0.85$ ) lựa chọn nhiều nhất: Có đến 61.4% tổng số khách thể trong nhóm học sinh và 72.6% tổng số khách thể trong nhóm giáo viên và cán bộ quản lý xếp cách hiểu này ở vị trí thứ nhất. Cách hiểu “Giáo

dục sáng tạo là phát triển giáo dục trên cơ sở những cái gì có sẵn” cũng được cả hai nhóm đa phần xếp ở các vị trí thấp: 66.3% học sinh và 93.2% giáo viên và cán bộ quản lý xếp cách hiểu này ở vị trí 3 và 4. Kết quả cụ thể được thể hiện trong bảng dưới đây:

#### 3.2. Đánh giá về sự sáng tạo của học sinh và giáo dục sáng tạo của trường

Nội dung chúng tôi tìm hiểu ở nhóm học sinh là về sự sáng tạo và giáo dục sáng tạo ở học sinh, nhà trường mà các em đang theo học. Trong phần này, chúng tôi cũng liệt kê ra 9 các biểu hiện của học tập sáng tạo và yêu cầu các em lựa chọn mức độ từ *Rất không đồng ý* đến *Rất đồng ý*. Chúng tôi cũng làm tương tự ở nhóm giáo viên và cán bộ quản lý, tuy nhiên giảm xuống còn 7 biểu hiện. Kết quả chỉ ra rằng:

- Ở nhóm học sinh

Có đến 95.7% học sinh Đồng ý và Rất đồng ý với lựa chọn “Học sinh cảm thấy thú vị khi thầy, cô sử dụng các hình thức dạy học độc đáo” ( $M=3.48$ ,  $SD=0.61$ ); tiếp theo là “Học sinh rất thích học những thứ ngoài sách vở” ( $M=3.28$ ,  $SD=0.63$ ). Nhìn chung theo đánh giá của nhóm học sinh, học sinh của trường mình cảm thấy thú vị và hào hứng khi được học những thứ mới lạ, nằm ngoài sách vở, tìm tòi từ những thứ bên ngoài. Với những thứ có sẵn trong sách giáo khoa ( $M=2.00$ ,  $SD=0.65$ ), có 75.6% học sinh lựa chọn Không đồng ý và Rất không đồng ý. Khi đánh giá về sự khuyến khích tìm tòi sáng tạo ở học sinh của thầy cô, có 28.9% học sinh lựa chọn Đồng ý và Rất đồng ý rằng “Thầy cô dạy em ít khi khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của học sinh”; có 24.4% cho rằng “Thầy cô chỉ dạy những gì có trong sách giáo khoa”. Đánh giá về sự sáng tạo của bản thân trong học tập, 61.9% học sinh đồng ý rằng “Bản thân em thường xuyên thể hiện tư duy sáng tạo trong học tập”. Như vậy là còn gần một nửa (38.1%) học sinh tự nhận xét rằng bản thân chưa thường xuyên thể hiện tư duy sáng tạo trong học tập. Số liệu cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:



Bảng 3. Cách hiểu về Giáo dục sáng tạo của nhóm học sinh và nhóm giáo viên và cán bộ quản lý

Giáo dục sáng tạo	Nhóm	Thứ tự ưu tiên				M	SD
		1	2	3	4		
a. Giáo dục sáng tạo là giáo dục phát triển năng lực sáng tạo cho người học: Là hoạt động có mục đích, có kế hoạch, là tương tác của người dạy và người học, phát triển ở người học năng lực sáng tạo bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ.	HS	113	47	14	9	3.44	0.84
		61.4%	25.5%	7.6%	4.9%		
	GV & CBQL	119	27	8	10	3.55	0.85
		72.6%	16.5%	4.9%	6.1%		
c. Giáo dục sáng tạo là cách thức phát huy tiềm năng của người học, là cách thức giáo dục giúp người học có đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng nhu cầu xã hội	HS	47	90	42	5	2.97	0.77
		25.5%	48.9%	22.8%	2.7%		
	GV & CBQL	35	93	31	5	2.96	0.73
		21.3%	56.7%	18.9%	3.0%		
b. Giáo dục sáng tạo là việc thực hiện giáo dục dựa trên cơ sở thỏa mãn nhu cầu khám phá của người học	Học sinh	21	41	103	19	2.35	0.82
		11.4%	22.3%	56.0%	10.3%		
	GV & CBQL	7	36	110	11	2.24	0.64
		4.3%	22.0%	67.1%	6.7%		
d. Giáo dục sáng tạo là phát triển giáo dục trên cơ sở những cái gì có sẵn.	Học sinh	3	6	25	150	1.25	0.59
		1.6%	3.3%	13.6%	81.5%		
	GV & CBQL	3	8	15	138	1.24	0.63
		1.8%	4.9%	9.1%	84.1%		

Bảng 4. Đánh giá của học sinh về sự thể hiện học tập sáng tạo của bản thân và giáo dục sáng tạo của nhà trường

Thể hiện học tập sáng tạo	M	SD
Học sinh cảm thấy thú vị khi thầy, cô sử dụng các hình thức dạy học độc đáo	3.48	0.61
Học sinh rất thích học những thứ ngoài sách vở	3.28	0.63
Các hình thức kiểm tra, đánh giá khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của học sinh	2.82	0.80
Những học sinh có tư duy sáng tạo thường được phát huy trên lớp	2.78	0.77
Bản thân em thường xuyên thể hiện tư duy sáng tạo trong học tập	2.68	0.70
Những học sinh thích học tập sáng tạo thường là những học sinh có kết quả học tập cao trong lớp	2.55	0.87
Thầy cô dạy em ít khi khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của học sinh	2.19	0.80
Thầy cô chỉ dạy những gì có trong sách giáo khoa	2.11	0.81
Học sinh chỉ thích học những gì có trong sách giáo khoa	2.00	0.65

Bảng 5. Đánh giá của giáo viên và cán bộ quản lý về sự thể hiện học tập sáng tạo của học sinh và giáo dục sáng tạo của nhà trường

Thể hiện học tập sáng tạo	M	SD
Học sinh cảm thấy thú vị khi thầy, cô sử dụng các hình thức dạy học sáng tạo	3.51	0.50
Các hình thức Kiểm tra, đánh giá khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo	3.18	0.60
Học sinh rất thích sáng tạo trong các giờ học	3.16	0.54
Những học sinh thích học tập sáng tạo thường là những học sinh có kết quả học tập cao trong lớp	3.02	0.60
Bản thân học sinh thường xuyên thể hiện tư duy sáng tạo trong học tập	3.00	0.59
Những học sinh có tư duy sáng tạo thường được phát huy trên lớp	2.87	0.68
Học sinh không thích sáng tạo, chỉ thích học những gì có sẵn	2.32	0.68

- Ở nhóm giáo viên và cán bộ quản lý

Đối với việc thực hiện giáo dục sáng tạo của nhà trường, có 90.3% tổng số khách thể là giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng “*Các hình thức Kiểm tra, đánh giá khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo*”. Về sự sáng tạo của học sinh trong học tập, có 92.5% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng “*Học sinh rất thích sáng tạo trong các giờ học*”; 85% đồng ý rằng “*Bản thân học sinh thường xuyên thể hiện tư duy sáng tạo trong học tập*”. Về sự hứng thú của học sinh với sự sáng tạo trong dạy học của thầy cô, 48.7% *Đồng ý* và 51.3% *Rất đồng ý* rằng “*Học sinh cảm thấy thú vị khi thầy, cô sử dụng các hình thức dạy học sáng tạo*”. Kết quả cũng cho thấy, có 84% giáo viên và cán bộ quản lý *Đồng ý* và *Rất đồng ý* với nhận định “*Những học sinh thích học tập sáng tạo thường là những học sinh có kết quả học tập cao trong lớp*”. Số liệu cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:

### 3.3. Thực trạng về biểu hiện của giáo dục sáng tạo

Đối với nhóm giáo viên và cán bộ quản lý, chúng tôi đã bổ sung thêm các nội dung liên quan đến việc thực hiện giáo dục sáng tạo trong nhà trường nhằm tìm hiểu sâu hơn về các biểu hiện của giáo dục sáng tạo thông qua các thành tố cụ thể: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, v.v. Đồng thời xác định những khó khăn gây cản trở đến xây dựng và phát triển giáo dục

sáng tạo. Bên cạnh đó, các nội dung xoay quanh Quản lý giáo dục sáng tạo cũng được đề cập đến trong phần này.

#### **Những yếu tố tạo nên một nền giáo dục sáng tạo**

Về tầm quan trọng của các yếu tố tạo nên một nền giáo dục sáng tạo, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: “*Hệ thống giáo dục*” được cho là yếu tố quan trọng nhất ( $M=3.48, SD=0.56$ ); sau đó là “*Người quản lý sáng tạo*” ( $M=3.44; SD=0.55$ ) và “*Chính sách giáo dục*” ( $M=3.39; SD=0.51$ ). Không có sự khác biệt trong việc xác định tầm quan trọng của các yếu tố làm nên một nền giáo dục sáng tạo giữa Giáo viên với Cán bộ quản lý. Kết quả chi tiết được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 6. Những yếu tố tạo nên một nền giáo dục sáng tạo

Yếu tố của nền GD sáng tạo	M	SD
Hệ thống giáo dục	3.48	0.56
Người quản lý sáng tạo	3.44	0.55
Chính sách giáo dục	3.39	0.51
Cách thức triển khai	3.37	0.53
Trường học sáng tạo	3.31	0.52
Quản lý và môi trường	3.28	0.51

#### **Mức độ biểu hiện và mối liên hệ giữa các thành tố của giáo dục sáng tạo ở trường**

- Mục tiêu

Trong phần này, chúng tôi đã liệt kê ra hai mục tiêu trọng tâm của giáo dục sáng tạo ở

trường và yêu cầu người điền phiếu xác định xem hai mục tiêu này được biểu hiện ở mức độ nào. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Có trên 90% tổng số khách thể là giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng các mục tiêu này được biểu hiện *Rõ* và *Rất rõ trong nhà trường*. Trong đó,

mục tiêu thứ nhất “*Mục tiêu dạy học phải hướng vào người học, là cái đích người học phải đạt được khi hoạt động trong quá trình dạy học trên lớp*” được cho là biểu hiện rõ nhất ( $M=3.40$ ;  $SD=0.56$ ). Kết quả cụ thể được trình bày trong *Bảng 14*

Bảng 7. Biểu hiện của mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục	Biểu hiện rất rõ	Biểu hiện rõ	Biểu hiện không rõ	Hoàn toàn không có biểu hiện	M	SD
1. Mục tiêu dạy học phải hướng vào người học, là cái đích người học phải đạt được khi hoạt động trong quá trình dạy học trên lớp	82 43.9%	98 52.4%	7 3.7%	0 0%	3.40	0.56
2. Mục tiêu dạy học “phát huy tích cực, chủ động của học sinh” thông qua các kết quả hoạt động ở bài dạy học, từ đó góp phần tạo lập năng lực, phẩm chất theo yêu cầu của môn học-lớp học-cấp học (Kiến thức cần chiếm lĩnh, các kỹ năng cần được phát triển, các khía cạnh của thái độ cần đạt được)	59 32.1%	119 64.7%	6 3.3%	0 0%	3.29	0.52

#### - Nội dung dạy học

Đối với thành tố là Nội dung dạy học, ý kiến cho rằng “Nội dung chương trình, môn học gắn với thực tiễn” được cho là có biểu hiện rõ nhất ( $M=3.16$ ,  $SD=0.61$ ). Tiếp theo là “Chuyên tải nội dung dạy học nhằm hướng tới đạt mục tiêu” ( $M=3.07$ ,  $SD=0.55$ ); “Xác định được nội dung cần vận dụng và vận dụng sáng tạo” ( $M=3.01$ ;  $SD=0.67$ ) và “Nội dung chương trình được thiết kế hướng đến phát triển khả năng sáng tạo của người học” ( $M=2.93$ ;  $SD=0.62$ ).

#### - Phương pháp dạy học

Khi được yêu cầu xác định mức độ biểu hiện của các phương pháp dạy học sáng tạo, có 95.6% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng việc “*Học sinh được khuyến khích làm việc nhóm*” ( $M=3.22$ ;  $SD=0.51$ ) được *Biểu hiện rõ* và *Rất rõ*. Sau đó là “*Phương pháp thu thập thông tin để tiến hành khám phá và diễn giải kết quả*” ( $M=3.13$ ;  $SD=0.54$ ); “*Khuyến khích sự tương tác tích cực của học sinh và giáo viên, học sinh và học sinh*” ( $M=3.10$ ;  $SD=0.50$ ). Kết quả cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 8. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học	M	SD
2. Học sinh được khuyến khích làm việc nhóm	3.22	0.51
1. Sử dụng các phương pháp thu thập thông tin để tiến hành khám phá và diễn giải kết quả.	3.13	0.54
5. Khuyến khích sự tương tác tích cực của học sinh và giáo viên, học sinh và học sinh	3.10	0.50
4. Giúp học sinh được trải nghiệm	3.08	0.60
3. Dạy học giúp học sinh giải quyết vấn đề sáng tạo	3.05	0.58
7. Phương pháp dạy học dự án	2.86	0.70
6. Khuyến khích tư duy đa chiều và mạo hiểm	2.61	0.73

Chúng tôi tiến hành so sánh ANOVA mức độ biểu hiện của các phương pháp dạy học sáng tạo với nơi thầy/cô công tác. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có sự khác biệt trong sự biểu hiện của 2 phương pháp (1) *Giúp học sinh được trải nghiệm* và (2) *Giúp học sinh giải quyết vấn đề sáng tạo* với nơi thầy/cô công tác. Hai phương pháp (1) *Giúp học sinh được trải nghiệm* và (2) *Giúp học sinh giải quyết vấn đề sáng tạo* được biểu hiện rõ ràng ở trường học thành phố ( $M^1=3.27$ ;  $M^2=3.37$ ) hơn trường học ở nông thôn ( $M^1=2.96$ ;  $M^2=2.86$ ), ( $p^1=0.001$ ,  $p^2=0.000$ ).

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, kết quả cho thấy: “*Đề kiểm tra hướng tới đánh giá khả năng vận dụng vào thực tiễn của HS*” là

hướng đánh giá được cho là có biểu hiện rõ nhất trong các trường học nơi thầy/cô công tác ( $M=3.27$ ,  $SD=0.63$ ). Tiếp theo là “*Đề kiểm tra đánh giá sự tái hiện kiến thức của học sinh*” ( $M=3.16$ ;  $SD=0.50$ ); “*Đề kiểm tra đánh giá sự tái tạo kiến thức của học sinh*” ( $M=3.01$ ;  $SD=0.62$ ) và “*Đề kiểm tra hướng tới đánh giá khả năng vận dụng sáng tạo cho HS*” ( $M=2.96$ ;  $SD=0.60$ ).

#### Mối liên hệ giữa các thành tố của giáo dục sáng tạo

Chúng tôi tiến hành tính tương quan mức độ biểu hiện của mục tiêu giáo dục, mức độ biểu hiện của phương pháp, nội dung giáo dục và kiểm tra đánh giá kết quả học tập nhằm tìm ra mối quan hệ giữa các yếu tố này. Kết quả như sau:

Bảng 9. Tương quan giữa các biểu hiện của giáo dục sáng tạo

	Mục tiêu GD	Nội dung GD	Phương pháp GD	Kiểm tra đánh giá
Mục tiêu GD	–	–	–	–
Nội dung GD	0.361**	–	–	–
Phương pháp GD	0.369**	0.615**	–	–
Kiểm tra đánh giá	0.362**	0.526**	0.501**	–

Từ bảng trên ta thấy, mức độ biểu hiện của mục tiêu giáo dục có tương quan thuận với mức độ biểu hiện của nội dung giáo dục ( $r^1=0.361^{**}$ ), phương pháp giáo dục ( $r=0.369^{**}$ ) và kiểm tra đánh giá ( $r=0.362^{**}$ ) ở mức độ thấp. Nghĩa là, mức độ biểu hiện của mục tiêu giáo dục càng cao, nội dung, phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá càng được biểu hiện rõ và ngược lại.

Kết quả cũng cho thấy nội dung giáo dục có tương quan thuận ở mức độ trung bình với phương pháp giáo dục ( $r=0.615^{**}$ ) và kiểm tra đánh giá kết quả học tập ( $r=0.526^{**}$ ). Nội dung giáo dục được biểu hiện càng rõ ràng, mức độ biểu hiện của phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá càng cao và ngược lại. Giữa phương pháp giáo dục và kiểm tra đánh giá cũng có mối liên hệ, cụ thể: Phương pháp giáo dục có biểu hiện càng rõ, mức độ biểu hiện của kiểm tra đánh giá càng cao ( $r=0.501^{**}$ ) và ngược lại.

#### 3.4. Những yếu tố gây khó khăn, cản trở việc xây dựng và phát triển giáo dục sáng tạo ở trường phổ thông Việt Nam

Tiếp theo, chúng tôi tìm hiểu về những yếu tố gây cản trở đến việc xây dựng và phát triển giáo dục sáng tạo và mức độ biểu hiện của chúng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: “*Xây dựng mục tiêu giáo dục*” là yếu tố khó khăn có biểu hiện rõ ràng nhất ( $M=3.02$ ;  $SD=0.93$ ), sau đó là đến việc “*Xác định nội dung giáo dục*” ( $M=2.85$ ;  $SD=1.04$ ). Yếu tố có ít biểu hiện gây khó khăn nhất là “*Cách thức đào tạo giáo viên*” ( $M=2.70$ ;  $SD=0.90$ ). Như vậy, có thể thấy việc xác định được mục tiêu và nội dung để hướng đến giáo dục sáng tạo là điều rất khó khăn. Đây là hai nội dung quan trọng giúp định hướng đường đi đúng đắn cho quá trình xây dựng và phát triển giáo dục sáng tạo ở trường. Kết quả cụ thể được thể hiện trong bảng dưới đây:

<sup>1</sup>  $r$ =Hệ số tương quan

Bảng 9. Những yếu tố gây khó khăn, cản trở việc xây dựng và phát triển giáo dục sáng tạo ở trường

Khó khăn cản trở liên quan đến	M	SD
1. Xây dựng mục tiêu giáo dục	3.02	0.93
2. Xác định nội dung giáo dục	2.85	1.04
6. Cơ chế, chính sách	2.82	0.75
3. Lựa chọn phương pháp giáo dục	2.80	0.75
4. Cách thức kiểm tra đánh giá	2.79	0.75
5. Cách thức đào tạo giáo viên	2.70	0.90

#### 4. Những vấn đề về hoạt động quản lý trong nhà trường phổ thông

##### 4.1. Mức độ thực hiện và các biểu hiện về quản lý giáo dục sáng tạo

Chúng tôi tính điểm trung bình trong việc thực hiện các biểu hiện về *Quản lý sáng tạo nói chung* và *Quản lý giáo dục sáng tạo nói riêng* nhằm xác định các yếu tố có biểu hiện rõ nhất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, ba yếu tố được

biểu hiện rõ ràng nhất là: “*Phát triển và tìm kiếm các phương pháp mới để thay đổi các quy định*” ( $M=3.11$ ;  $SD=0.54$ ); tiếp theo là “*Xem xét vấn đề đa chiều trước khi đưa ra quyết định*” ( $M=3.10$ ;  $SD=0.69$ ); “*Tìm kiếm ý tưởng mới, giải pháp mới và các hợp tác mới*” ( $M=3.09$ ;  $SD=0.63$ ). Các yếu tố ít được biểu hiện rõ bao gồm: “*Các hoạt động hướng vào các ý tưởng mới*” ( $M=2.70$ ;  $SD=0.88$ ) và “*Phân quyền cho cấp dưới*” ( $M=2.65$ ;  $SD=0.86$ ). Kết quả chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng hỏi mức độ thực hiện các yếu tố của Quản lý giáo dục sáng tạo bao gồm 16 câu được phân tích thành 2 nhân tố. Các câu trong mỗi nhân tố đều có hệ số giá trị riêng  $\geq 0.3$  và nội dung thống nhất với nhau trong mỗi nhân tố: (1) Nhóm khuyến khích sáng tạo bao gồm 8 câu ( $\alpha=0.94$ ,  $M=2.113$ ); (2) Nhóm nhân sự gồm 8 câu ( $\alpha=0.90$ ,  $M=1.977$ ).

Bảng 10. Mức độ thực hiện các biểu hiện về Quản lý giáo dục sáng tạo

	M	SD
2. Phát triển và tìm kiếm các phương pháp mới để thay đổi các quy định	3.11	0.54
8. Xem xét vấn đề đa chiều trước khi đưa ra quyết định	3.10	0.69
7. Tìm kiếm ý tưởng mới, giải pháp mới và các hợp tác mới	3.09	0.63
1. Quản lý theo cách luôn đồng hành cùng nhân viên	3.09	0.70
9. Xây dựng các nhóm làm việc dựa trên năng lực sáng tạo	3.06	0.78
12. Tuyển chọn nhân sự dựa trên năng lực, đặc biệt là năng lực sáng tạo	3.03	0.61
5. Dành nhiều thời gian cho vấn đề mang tính chiến lược	3.01	0.56
4. Có định hướng, khuyến khích mọi người thực hiện	2.98	0.64
10. Định hướng và tập trung vào các ý tưởng sáng tạo để đạt được mục tiêu	2.88	0.71
15. Khuyến khích và thử nghiệm các sáng kiến mới hơn là nghi ngờ chúng	2.87	0.66
14. Khuyến khích sáng tạo và sự mạo hiểm (thử nghiệm cái mới)	2.86	0.83
3. Xem trọng năng lực của người khác	2.84	0.87
16. Luôn tìm kiếm cái mới mọi lúc, mọi nơi	2.82	0.82
11. Các cuộc họp được thảo luận, trao đổi thẳng thắn cởi mở	2.73	0.87
13. Các hoạt động hướng vào các ý tưởng mới	2.70	0.88
6. Phân quyền cho cấp dưới	2.65	0.86

Bảng 11. Ma trận xu hướng - nhân tố của Quản lý giáo dục sáng tạo

	Nhân tố	
	1	2
c2.11.14 Khuyến khích sáng tạo và sự mạo hiểm	<b>1.059</b>	-.315
c2.11.15 Khuyến khích và thử nghiệm các sáng kiến mới hơn là nghi ngờ chúng	<b>.846</b>	.018
c2.11.16 Luôn tìm kiếm cái mới mọi lúc, mọi nơi	<b>.793</b>	.163
c2.11.13 Các hoạt động hướng vào các ý tưởng mới	<b>.760</b>	.133

c2.11.10 Định hướng và tập trung vào các ý tưởng sáng tạo để đạt được mục tiêu	<b>.669</b>	.150
c2.11.11 Các cuộc họp được thảo luận, trao đổi thẳng thắn cởi mở	<b>.647</b>	.159
c2.11.9 Xây dựng các nhóm làm việc dựa trên năng lực sáng tạo	<b>.619</b>	.173
c2.11.6 Phân quyền cho cấp dưới	<b>.603</b>	.217
c2.11.1 Quản lý theo cách luôn đồng hành cùng nhân viên	-.188	<b>.931</b>
c2.11.8 Xem xét vấn đề đa chiều trước khi đưa ra quyết định	.014	<b>.759</b>
c2.11.5 Dành nhiều thời gian cho vấn đề mang tính chiến lược	.178	<b>.625</b>
c2.11.3 Xem trọng năng lực của người khác	.269	<b>.617</b>
c2.11.4 Có định hướng, khuyến khích mọi người thực hiện	.336	<b>.604</b>
c2.11.2 Phát triển và tìm kiếm các phương pháp mới để thay đổi các quy định	.254	<b>.529</b>
c2.11.7 Tìm kiếm ý tưởng mới, giải pháp mới và các hợp tác mới	.333	<b>.483</b>
c2.11.12 Tuyển chọn nhân sự dựa trên năng lực, đặc biệt là năng lực sáng tạo	.410	<b>.438</b>

#### 4.2. Khuyến nghị cho quản lý giáo dục phát triển giáo dục sáng tạo tại các trường phổ thông Việt Nam

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đã trình bày, chúng tôi cho rằng cần triển khai các giải pháp sau về quản lý giáo dục để giáo dục sáng tạo trong nhà trường phổ thông Việt Nam thực sự đem lại kết quả tốt, đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

Đối với các cấp quản lý giáo dục cần có các chính sách thúc đẩy giáo dục sáng tạo tập trung vào các lĩnh vực sau:

- + Cần xây dựng các chính sách đảm bảo các hoạt động giáo dục phát triển theo hướng sáng tạo
- + Có văn bản chỉ đạo các nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục sáng tạo
- + Có chính sách khuyến khích cho việc dạy học sáng tạo, giáo dục sáng tạo đối với các nhà trường phổ thông;
- + Có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về năng lực dạy học sáng tạo;
- + Tạo dựng cơ chế để nhà trường ngày càng có điều kiện thực hiện cách thức giáo dục sáng tạo.

Đối với quản lý giáo dục trong các nhà trường phổ thông cần:

- Cần xem xét đa chiều trước khi đưa ra các quyết định quản lý;
- Nhà quản lý cần luôn tìm ý tưởng mới, giải pháp mới, hợp tác mới cho nhà trường;
- Khuyến khích và thử nghiệm các sáng kiến mới, hoạt động hướng vào các ý tưởng mới

- Định hướng và tập trung vào các ý tưởng sáng tạo để đạt mục tiêu;

- Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với các lực lượng xã hội để hiện thực hóa các ý tưởng giáo dục sáng tạo cho học sinh.

Trên đây là một số những gợi mở cho các cấp quản lý giáo dục và các nhà quản lý giáo dục tại các nhà trường phổ thông Việt Nam với mong muốn xây dựng được nền giáo dục ngày càng sáng tạo của nhóm tác giả nghiên cứu.

#### 5. Kết luận

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận về giáo dục sáng tạo cũng như tìm hiểu thực trạng phát triển giáo dục sáng tạo ở trường phổ thông Việt Nam, đặc biệt thông qua nghiên cứu khảo sát trên một mẫu khảo sát rộng, chúng ta thấy giữa những lý luận và thực tiễn đang xảy ra còn một số vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn trong đó tính hệ thống cần được đề cao. Tiếp cận hệ thống đó đi từ nhận thức đến phát triển chương trình giáo dục, đào tạo giáo viên và đặc biệt tiếp cận quản lý giáo dục sáng tạo.

Giáo dục sáng tạo là con đường tối ưu hình thành tính sáng tạo, là hoạt động giúp người học nuôi dưỡng tinh thần, ý tưởng và năng lực sáng tạo, là “con đường chính” tạo ra con người sáng tạo. Và sáng tạo là khởi nguồn, là cốt lõi của tiến bộ xã hội, là động lực không có giới hạn cho sự phát triển kinh tế xã hội, từ đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đưa xã hội trở

thành xã hội sáng tạo. Tuy nhiên giáo dục sáng tạo cần được đặt trong một “môi trường sáng tạo”, trong đó có chia sẻ những giá trị của giáo dục sáng tạo như sáng tạo tồn tại ở tất cả mọi cá nhân, không phải là yếu tố “thiên tài” bẩm sinh, sáng tạo tồn tại suốt cuộc sống của con người, sáng tạo là một hiện tượng phổ biến ở tất cả mọi người, ở mọi xã hội và mọi nền văn hóa (điều này cũng có nghĩa là sáng tạo gắn liền với mỗi loại hình văn hóa và các giá trị văn hóa đó là điều kiện thuận lợi ít nhiều cho sáng tạo) và sáng tạo là một cách sống hơn là một khả năng trí tuệ.

### Lời cảm ơn

Kết quả nghiên cứu trình bày ở đây được tài trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học có mã số QG.18.31 của Đại học Quốc gia Hà Nội; chúng tôi cảm ơn sự hợp tác các thầy cô, và các em học sinh của các nhà trường nơi chúng tôi đến khảo sát để chúng tôi hoàn thành nghiên cứu đề tài này.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Tran Viet Dung, Some opinions in terms of creative ability and the orientation of promoting Vietnamese people's creative ability at the present time, Ho Chi Minh City University of Education, Journal of Science 49 (2013) 160 -169. (in Vietnamese).
- [2] E.B. Church, Let's invent, Scholastic Parent & Child. 13 (2006) 28-35.
- [3] C.Y. Chen, Personality traits and creation process of distinguished scientists in Taiwan, Journal of National Taiwan Normal University 45 (2000) 27-45.
- [4] Wang Hai, Innovative Education: Theory and Practice, East China Normal University Press, 2015. (in Chinese).
- [5] Zhang Jianlin, Zhao Xucheng, A review of postgraduate innovative education and its components, Modern Education, No.4, 2009, 2009. (in Chinese).
- [6] Vu Thi Thuy Hang, Trinh Van Minh, Creative school and competence of school administrators in the context of revolution, International Scientific Conference “Developing Competency for Vietnamese Educational Managers in the Context of Industrial Revolution 4.0”, National Economics University Publishing House, 2017. (in Vietnamese).
- [7] Tran Thi Bich Lieu, Creative ability development education, Vietnam national University Press, Hanoi, 2013. (in Vietnamese).
- [8] Tran Thi Bich Lieu, Developing Creative and professional competencies for students, Vietnam Journal of Education. 347 (12) (2014) 27-29. (in Vietnamese).
- [9] Do Thi Thu Hang, The relationship between innovative education in school and innovation of teachers - thoughts of problems of reforming teacher qualification, International Scientific Conference “Creativity Development and Opportunities for Business and Startup Ideas”, Vietnam national university press, Hanoi, 2017. (in Vietnamese).
- [10] Zhuang Peifang (2004). The Requirements of Teachers' Quality in the Innovational Education, Journal of Tianjin Adult Higher Learning 3 (6) (2004) 33-36.